

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DSST

Ngày: 29/6/2022

“V/v tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh V.

2. Ông Đỗ Minh T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Tr - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Th - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST- DS ngày 28/02/2022 về *“Tranh chấp hụi”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST- DS ngày 20/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 20/5/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 22/QĐST-DS ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Văn Nh, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Dương Thị N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trần Văn Nh, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Kim Ph trình bày:

Chị Võ Thị Kim Ph tham gia 02 dây hội cho chị Dương Thị N làm chủ hội cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Khởi hội (khui) ngày 10/9/2014, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hội gồm 20 phần, chị Ph tham gia 01 phần, chị Ph đã đóng được 14 lần với số tiền là 18.720.000 đồng, đến lần khui thứ 15 thì chị N tuyên bố bế hội không khui nữa.

- Dây hội thứ hai: Khởi hội (khui) ngày 15/10/2014, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hội gồm 20 phần, chị Ph tham gia 01 phần, chị Ph đã đóng được 13 lần với số tiền là 17.640.000 đồng. Đến lần khui thứ 14 thì chị N tuyên bố bế hội không khui nữa.

Sau khi tuyên bố bế hội chị Ph, chị N thỏa thuận số tiền nợ hội chị N nợ chị Ph tổng cộng là 47.400.000 đồng, có biên nhận tổng kết số nợ biên nhận này do chị N viết nhưng không ký tên. Sau khi làm biên nhận tổng kết số nợ chị N, anh Nh có trả được 14.000.000 đồng, còn lại số tiền 23.400.000 đồng chị N không trả cho chị Ph. Theo đơn khởi kiện chị Ph yêu cầu trả số tiền là 23.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ph thay đổi yêu cầu chị Ph yêu cầu trả số tiền 22.460.000 đồng, tuy nhiên sau khi tính lại thì ở dây hội ngày 10/9/2014 chị Ph có tính nhầm 100.000 đồng số tiền đóng vào. Tại phiên tòa chị Ph xác nhận số tiền hội chị đóng cho chị N, anh Nh số tiền 36.360.000 đồng trừ đi số tiền chị N, anh Nh đã trả cho chị là 14.000.000 đồng còn lại 22.360.000 đồng.

Nay chị Ph yêu cầu chị N, anh Nh liên đới trả cho chị số tiền hội còn thiếu là 22.360.000 đồng.

- Theo biên bản ghi lời khai bị đơn chị Dương Thị N trình bày: Chị N thừa nhận chị Ph có tham gia chơi hội 02 dây hội như chị Ph trình bày, số lần chị Ph đóng vào đúng như chị Ph trình bày, chị N trình bày việc chị làm hội anh Nh có biết và ngăn cản, anh Nh không gom hội, chị làm hội để sử dụng tiền huê hồng phục vụ cuộc sống gia đình. Nay chị N đồng ý một mình trả cho chị Ph số như chị Ph yêu cầu 22.460.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Nh vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Kim Ph về việc yêu cầu chị N, anh Nh liên đới trả số tiền hui là 22.360.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Kim Ph yêu cầu chị Dương Thị N, anh Trần Văn Nh liên đới trả cho chị Ph số tiền vốn hui còn thiếu là 22.360.000 đồng. Chị N, anh Nh có địa chỉ tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật phải quyết là “*tranh chấp hui*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Xét việc vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Thị N, anh Trần Văn Nh vắng mặt, không lý do. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đã ra quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST–DS ngày 20/5/2022 đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Dương Thị N, anh Trần Văn Nh là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ý kiến trình bày của bị đơn:

Chị Ph tham gia 02 dây hui cụ thể dây hui ngày 10/9/2014, loại hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hui gồm 20 phần hui, chị Ph tham gia 01 phần, chị Ph đã đóng được 14 lần với số tiền là 18.720.000 đồng. Dây hui ngày 15/10/2014, hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hui gồm 20 phần hui, chị Ph tham gia 01 phần, chị Ph đã đóng được 13 lần với số tiền là 17.640.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền hui chị Ph đã đóng là 36.360.000 đồng. Chị Ph xác định chị N, anh Nh đã trả được 14.000.000 đồng còn lại số tiền 22.360.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy tổng cộng nợ hui không có chữ ký tên hay chữ viết họ tên của chị N, anh Nh. Tòa án có thông báo số 346/TB-TA ngày 30/3/2022 và thông báo số 36/TB-TA ngày 14/4/2022 về nội dung khởi kiện đã tổng đạt hợp lệ cho chị N, anh Nh, nhưng anh Nh không có ý kiến, cũng không đến Tòa án để trình bày. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị N thừa nhận chị Ph có tham gia hui và có đóng hui như chị Ph trình bày, chị N tự chịu trách nhiệm một mình trả số tiền hui còn thiếu là 22.460.000 đồng cho chị Ph. Xét thấy chị N, anh Nh có đăng ký kết hôn và hiện hôn nhân còn hiệu lực, việc chị N làm hui anh Nh cũng biết, đồng thời chị N thừa nhận việc làm hui để lấy tiền huê hồng lo cuộc sống gia đình, người làm chứng chị Đoàn Thị H trình bày anh Nh có đi gom hui, căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Ph yêu cầu

chị N, anh Nh cùng liên đới trả số tiền hui 22.360.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận, chị N thừa nhận số tiền nợ hui nhưng chỉ đồng ý chịu trách nhiệm trả một mình là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn chị Ph được chấp nhận căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị N, anh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí được tính như sau: 22.360.000 đồng x 5% = 1.118.000 đồng. Chị Ph được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim Ph.

Buộc chị Dương Thị N và anh Trần Văn Nh liên đới trả cho chị Võ Thị Kim Ph số tiền nợ hui là 22.360.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Chị Dương Thị N, anh Trần Văn Nh liên đới chịu 1.118.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị Kim Ph được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 575.000 đồng theo biên lai thu số 0009018 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân